

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THU - CHI CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH, CÁC
KHOẢN THU DỊCH VỤ ĐỂ PHỤC VỤ HỌC SINH
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch thực hiện thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025 -2026.

Trường Tiểu học Lê Hồng Phong báo cáo công khai nội dung thu - chi của các khoản thu dịch vụ phục vụ cho học sinh, các khoản thu theo quy định năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH

1. BHYT học sinh

Tồn đầu NH 2025-2026: 0 đồng

Tổng thu năm học 2025-2026: 470.393.890 đồng

Tổng chi năm học 2025-2026: 476.393.890 đồng

Tồn cuối năm học 2025-2026: 0 đồng

(Kèm theo thông báo công khai chi tiết)

Nội dung chi: Chi nộp tiền BHYT học sinh cho cơ quan BHXH.

II. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỌC SINH

1. Quỹ tiền ăn bán trú

Tồn đầu năm học 2025-2026: 3.442.006 đồng (tồn TG)

Tổng thu năm học 2025-2026: .021.763.000 đồng

Tổng chi năm học 2025-2026: 1.025.205.006 đồng

Tồn cuối HKII năm học 2025-2026: 0 đồng

(Kèm theo thông báo công khai chi tiết)

Nội dung chi: Chi mua lương thực, thực phẩm phục vụ cho học sinh ăn bán trú năm học 2025-2026 bao gồm nguyên liệu như gạo, thịt, cá, rau, củ quả, sữa uống, sữa chua, bánh, gia vị

2. Quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú

Tồn đầu năm học 2025-2026: 0 đồng

Tổng thu năm học 2025-2026: 106.069.000 đồng

Tổng chi năm học 2025-2026: 104.767.000 đồng

Tồn cuối năm học 2025-2026: 1.302.000 đồng (tồn TG)

(Kèm theo thông báo công khai chi tiết)

Nội dung chi:

- Chi phí mua nhiên liệu (gas) nấu ăn bán trú
- Chi mua công cụ dụng cụ, các chất tẩy rửa, vệ sinh liên quan đến dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú cho học sinh nước rửa chén, gừng tay, các chất tẩy rửa
- Chi hỗ trợ điện nước

3. Quỹ dịch vụ chăm sóc bán trú buổi trưa

Tồn đầu năm học 2025-2026: 0 đồng

Tổng thu năm học 2025-2026: 569.613.000 đồng

Tổng chi năm học 2025-2026: 569.613.000 đồng

Tồn cuối năm học 2025-2026: 0 đồng

(Kèm theo thông báo công khai chi tiết)

Nội dung chi:

Chi thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa, phí ngân hàng (nếu có).

4. Quỹ vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh học sinh

Tồn đầu năm học 2025-2026: 0 đồng 0

Tổng thu năm học 2025-2026: 153.040.000 đồng

Tổng chi năm học 2025-2026: 143.436.072 đồng

Tồn cuối năm học 2025-2026: 9.603.928 đồng (tồn TG)

(Kèm theo thông báo công khai chi tiết)

Nội dung chi

Chi thuê hợp đồng thuê người vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh cho học sinh trong năm học 2025 – 2026, mua đồ dùng, dụng cụ vệ sinh phục vụ cho công việc dọn vệ sinh và phục vụ vệ sinh cho học sinh.

5 Quỹ ứng dụng công nghệ thông tin liên lạc điện tử VNEDU

Tồn đầu năm học 2025-2026: 0 đồng

Tổng thu năm học 2025-2026: 42.400.000 đồng

Tổng chi năm học 2025-2026: 42.400.000 đồng

Tồn cuối năm học 2025-2026: 0 đồng

(Kèm theo thông báo công khai chi tiết)

Nội dung chi

Chi trả dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin liên lạc điện tử vnedu cho nhà cung cấp dịch vụ.



LIBRARY
UNIVERSITY OF
TORONTO
1901

Trên đây là báo cáo cáo công khai các khoản thu - chi theo quy định, các khoản thu dịch vụ để phục vụ để phục vụ trực tiếp cho học sinh trong năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Lê Hồng Phong.

Nơi nhận:

- Các bộ phận, đoàn thể, ban ĐDCMHS.
- Lưu: KT.
- Công khai trang điện tử nhà trường

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Dung





John R. Dwyer

100

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ HỌC SINH
NĂM HỌC 2025 - 2026

LOẠI QUỸ: BẢO HIỂM Y TẾ HỌC SINH

(Kèm theo báo cáo số 54/BC-LHP, ngày 31/07/2026 của trường TH Lê Hồng Phong)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TỔNG ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026	-	
II	TỔNG SỐ TIỀN THU TRONG NH 2025-2026	476.393.890	
01	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 1-tháng 9/2025)	37.171.800	
02	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 2-tháng 9/2025)	36.391.700	
03	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 4-tháng 9/2025)	10.024.600	
04	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 5-tháng 9/2025)	8.087.040	
05	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 7-tháng 9/2025)	13.646.900	
06	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 8-tháng 9/2025)	10.108.800	
07	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 01-CK -BHYT)	17.061.600	
08	Thu tiền BHYT học sinh (đợt 1-tháng 11/2025) (11 em TM)	6.949.800	
09	Thu tiền BHYT học sinh tháng 12/2025 (45 em TM)	28.431.000	
10	Thu tiền BHYT học sinh tháng 12/2025 (03 em TM)	1.896.000	
11	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 02-CK -BHYT)	48.651.600	
12	Thu từ TK 6350574423, Ngân hàng BIDV qua số TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản các khoản thu NH 2025-2026 (BK 01/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 30/10/2025)	1.272.000	
13	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 01/T11-CK -BHYT, ngày 30/11/2025)	131.421.200	
14	Thu tiền Phụ huynh nộp nhằm BHYT vào tài khoản (BK số 02/T11/CK-NOPNHAM, NGÀY 28/11/2025)	1.895.400	
15	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 01/T12-CK -BHYT, ngày 11/12/2025)	45.491.200	
16	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 02/T12-CK -BHYT, ngày 15/12/2025)	17.670.800	

17	Chuyển tiền từ TK 6350574423, Ngân hàng BIDV qua số TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản các khoản thu NH 2025-2026 (BK 01/T11/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 28/11/2025)	1.263.600	
18	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 03/T12-CK -BHYT, ngày 16/12/2025)	7.582.400	
19	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 04/T12-CK -BHYT, ngày 18/12/2025)	19.592.300	
20	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 04/T12-CK -BHYT, ngày 19/12/2025)	2.527.200	
21	Thu nộp tiền BHYT HS vào TK tiền gửi (bảng kê số 03/T12-TM-BHYT, ngày 25/12/2025)	1.896.000	
22	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 05/T12-CK -BHYT, ngày 25/12/2025)	8.846.000	
23	Thu tiền BHYT học sinh (BK số 05/T12-CK -BHYT, ngày 30/12/2025)	3.158.600	
24	Thu tiền Phụ huynh nộp nhằm vào tài khoản (Bảng kê số : 01/T12-CK-NOPNHAM-BIDV, ngày 31/12/2025)	5.054.600	
25	Thu tiền BHYT học sinh tháng 04/2026 (BK số 01/T04/CK-BHYT, ngày 16/4/2026)	7.252.580	
26	Thu tiền BHYT học sinh tháng 04/2026 (BK số 02/T04/CK-BHYT, ngày 20/4/2026)	1.279.930	
27	Thu tiền BHYT học sinh tháng 04/2026 (BK số 01/T05/CK-BHYT, ngày 12/05/2026)	1.769.240	
III	TỔNG SỐ TIỀN CHI TRONG NH 2025-2026	476.393.890	
01	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 1 - tháng 9/2025)	37.171.800	
02	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 2 - tháng 9/2025)	36.391.700	
03	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 4 - tháng 9/2025)	10.024.600	
04	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 5 - tháng 9/2025)	8.087.040	
05	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 7 - tháng 9/2025)	13.646.900	
06	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 8 - tháng 9/2025)	10.108.800	
07	Chi nộp tiền BHYT học sinh (Đợt 1 - tháng 11/2025) (11 em TM)	6.949.800	
08	Chi nộp tiền BHYT học sinh tháng 12/2025 (45 em TM)	28.431.000	
09	Chi nộp tiền BHYT HS vào TK tiền gửi (bảng kê số 03/T12-TM-BHYT, ngày 25/12/2025)	1.896.000	
10	Chi nộp tiền BHYTHS đợt 2 tháng 11/2025 (23 em)	14.531.400	
11	Chi nộp tiền BHYTHS đợt 3 tháng 11/2025 (36 em)	22.744.800	

12	Chi nộp tiền BHYTHS đợt 4 tháng 11/2025 (29 em)	18.322.200	
13	Chi nộp tiền BHYTHS đợt 5 tháng 11/2025 (17 em)	10.740.600	
14	Chi nộp tiền BHYTHS đợt 6 tháng 11/2025 (60 em)	37.908.000	
15	Chi nộp tiền BHYTHS đợt 7 tháng 11/2025 (66 em)	41.698.800	
16	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (74 em)	46.753.200	
17	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (25 em)	15.795.000	
18	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (45 em)	28.431.000	
19	UNC trả lại phụ huynh do nộp nhầm tài khoản (bảng kê số 02/T11/CK-NOPNHAM, ngày 28/11/2025)	1.895.400	
20	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (49 em)	30.958.200	
21	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (33 em)	20.849.400	
22	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (23 em)	14.531.400	
23	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (2 em)	1.263.600	
24	BD0012G - Chi nộp tiền BHYTHS T12/2025 (3 em)	1.895.400	
25	BD0012G - trường TH Lê Hồng Phong nộp tiền BHYT học sinh (mã hs 00481) - 03 học sinh	1.895.400	
26	BD0012G - trường TH Lê Hồng Phong nộp tiền BHYT học sinh (mã hs 04479) - 01 học sinh	441.375	
27	BD0012G - trường TH Lê Hồng Phong nộp tiền BHYT học sinh (mã hs 05058) - 13 học sinh	5.544.045	
28	BD0012G - trường TH Lê Hồng Phong nộp tiền BHYT học sinh (mã hs 06709) - 05 học sinh	2.132.325	
29	BD0012G - trường TH Lê Hồng Phong nộp tiền BHYT học sinh (mã hs 05371) - 01 học sinh	426.465	
30	BD0012G - chuyển trả lại tiền BHYT do phụ huynh nộp nhầm	3.159.000	
31	BD0012G - trường TH Lê Hồng Phong nộp tiền BHYT học sinh (mã hs 06357-2026-06709) - 04 học sinh	1.516.320	
32	Trường TH Lê Hồng Phong trả lại tiền BHYT HS cho phụ huynh (Phan Tuệ Mẫn 2a1) do nộp dư	252.920	
IV	TỔNG SỐ TIỀN TỒN CUỐI NH 2025-2026	0	

1000 1000 1000

1000 1000 1000

1000 1000 1000

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO HỌC SINH - NĂM HỌC 2025 - 2026

LOẠI QUỸ: TIỀN ĂN BÁN TRÚ

(Kèm theo báo cáo số ~~57~~⁵⁷/BC-LHP, ngày 31/07/2026 của trường TH Lê Hồng Phong)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TỔNG ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026	3.442.006	TK BIDV: 3.188.165đ. tồn TK Viettinbank: 253.841đ
II	TỔNG SỐ TIỀN THU TRONG NH 2025-2026	1.021.763.000	
01	Thu tiền ăn bán trú của học sinh và dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T9+10/2025 NH 2025-2026	85.555.000	
02	Thu tiền ăn bán trú của học sinh và dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú 2025 NH 2025-2026 (BK số 02/T9-CK)	20.705.000	
03	Chi nộp tiền ăn bán trú của học sinh và dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T9/2025 vào TK tiền gửi	13.000.000	
04	Chi nộp tiền ăn bán trú của học sinh và dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T10/2025 NH 2025-2026 vào TK tiền gửi	27.700.000	
05	Thu tiền ăn bán trú của học sinh và dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú 2025 NH 2025-2026 (BK số 01/T10-CK-ABT-DVTCABT)	86.472.000	
06	Chuyển tiền từ TK 6350574423, Ngân hàng BIDV qua số TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản các khoản thu NH 2025-2026 (BK 01/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 30/10/2025)	445.000	
07	Chi nộp tiền ăn bán trú bán trú và tiền DVTCNABT NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T11-TM-ABT - DVTCNABT)	23.600.000	
08	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 02/T11-CK-ABT-DVTCABT, ngày 30/11/2025)	15.625.000	
09	Thu tiền ăn bán trú và tiền DVTCNABT NH 2025-2026 (BK số 03/T11-CK-ABT-DVTCABT, ngày 30/11/2025)	87.625.000	
10	Chuyển tiền từ TK 6350574423, Ngân hàng BIDV qua số TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản các khoản thu NH 2025-2026 (BK 01/T11/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 28/11/2025)	1.200.000	
11	Chi nộp tiền ăn bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 02/T12-TM-ABT - DVTCNABT, ngày 29/12/2025)	24.400.000	

12	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T12-CK-ABT-DVTCABT, ngày 31/12/2025)	3.000.000	
13	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 02/T12-CK-ABT-DVTCABT, ngày 31/12/2025)	104.273.000	
14	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 03/T12-CK-ABT-DVTCABT, ngày 31/12/2025)	2.153.000	
15	Thu tiền phụ huynh nộp nhằm tiền ăn (BK số 01/T12/CK-NOPNHAM - BIDV ngày 31/12/2025)	5.100.000	
16	Chi nộp tiền ăn bán trú bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T01/TM-ABT, ngày 29/01/2026)	18.325.000	
17	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T01/CK-ABT, ngày 31/01/2026)	102.655.000	
18	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T02/CK-ABT, ngày 28/02/2026)	36.685.000	
19	Chi nộp tiền ăn bán trú bán trú tháng 01+02/2026 - NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T03/TM-ABT, ngày 02/03/2026)	7.975.000	
20	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T03/CK-ABT, ngày 10/03/2026)	82.630.000	
21	Chi nộp tiền ăn bán trú bán trú tháng 02+03/2026 - NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 02/T03/TM-ABT, ngày 16/03/2026)	7.500.000	
22	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 02/T03/CK-ABT, ngày 31/03/2026)	42.600.000	
23	Chi nộp tiền ăn bán trú bán trú tháng 02+03/2026 - NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 03/T03/TM-ABT, ngày 31/03/2026)	16.450.000	
24	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T04/CK-ABT, ngày 03/4/2026)	35.675.000	
25	Chuyển tiền phụ huynh nộp nhằm các khoản thu tháng 01/2026 - NH 2025-2026 (BK số 01/T01/CK-NOPNHAM -BIDV)	1.200.000	
26	Chuyển tiền phụ huynh nộp nhằm các khoản thu tháng 02/2026 - NH 2025-2026 (BK số 01/T02/CK-NOPNHAM -BIDV)	4.590.000	
27	Chuyển tiền phụ huynh nộp nhằm các khoản thu tháng 03/2026 - NH 2025-2026 (BK số 01/T03/CK-NOPNHAM -BIDV)	4.700.000	
28	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 02/T04/CK-ABT, ngày 29/4/2026)	62.000.000	
29	Chi nộp tiền ăn bán trú bán trú tháng 04/2026 - NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T04/TM-ABT, ngày 29/04/2026)	15.550.000	

30	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T05/CK-ABT, ngày 05/05/2026)	26.075.000	
31	Chuyển tiền phụ huynh nộp nhằm các khoản thu tháng 04/2026 NH 2025-2026 (BK số 01/T04/CK-NOPNHAM -BIDV)	600.000	
32	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 02/T05/CK-ABT, ngày 19/05/2026)	44.465.000	
33	Thu tiền ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 02/T05/CK-ABT, ngày 28/05/2026)	5.750.000	
34	Chuyển tiền phụ huynh nộp nhằm các khoản thu NH 2025-2026	5.485.000	
III	TỔNG SỐ TIỀN CHI TRONG NH 2025-2026	1.025.205.006	
01	Phí TK	75.727	
02	Phí TK	38.500	
03	Thanh toán tiền mua sữa, sữa chua cho học sinh bán trú T9/2025	8.680.000	
04	Thanh toán tiền mua bánh ăn xế cho học sinh bán trú T9/2025	4.086.000	
05	Thanh toán tiền mua gia vị nấu ăn cho học sinh bán trú T9/2025	4.893.000	
06	Thanh toán tiền mua gạo nấu ăn cho học sinh bán trú T9/2025	8.360.000	
07	Thanh toán tiền mua PTTS cho học sinh ăn bán trú T9/2025	61.172.000	
08	Thanh toán tiền mua bánh ăn xế cho học sinh bán trú T10/2025	5.889.000	
09	Thanh toán tiền mua sữa, sữa chua cho học sinh bán trú T10/2025	13.985.000	
10	Thanh toán tiền mua gia vị nấu ăn cho học sinh bán trú T10/2025	6.273.000	
11	Thanh toán tiền mua PTTS cho học sinh ăn bán trú T10/2025	92.216.000	
12	Thanh toán tiền mua gạo nấu ăn cho học sinh bán trú T10/2025	12.600.000	
13	Thanh toán tiền mua sữa, sữa chua cho học sinh bán trú T11/2025	12.080.000	
14	Thanh toán tiền mua bánh cho học sinh ăn bán trú T11/2025	5.027.000	
15	Thanh toán tiền mua PTTS cho học sinh ăn bán trú T11/2025	88.599.000	
16	Thanh toán tiền mua gia vị nấu ăn cho học sinh bán trú T11/2025	5.893.000	
17	Thanh toán tiền mua gạo nấu ăn cho học sinh bán trú T11/2025	11.800.000	
18	Thanh toán tiền mua gia vị nấu ăn cho học sinh bán trú T12/2025	6.861.000	
19	Thanh toán tiền mua gạo nấu ăn cho học sinh bán trú T12/2025	14.800.000	



20	Thanh toán tiền mua bánh cho học sinh ăn bán trú T12/2025	5.774.000	
21	Thanh toán tiền mua PTTS cho học sinh ăn bán trú T12/2025	113.329.000	
22	Thanh toán tiền mua sữa, sữa chua cho học sinh bán trú T12/2025	16.648.000	
23	Chuyển trả lại tiền cho phụ huynh do không ăn bán trú	295.000	
24	Thanh toán tiền mua gia vị phục vụ nấu ăn bán bán trú T01/2026	5.702.000	
25	Thanh toán tiền mua Gạo nấu cơm cho học sinh ăn bán bán trú T01/2026	11.760.000	
26	Thanh toán tiền mua thực phẩm cho học sinh ăn bán bán trú T01/2026	93.066.000	
27	Thanh toán tiền mua sữa uống, sữa chua cho học sinh ăn bán bán trú T01/2026	12.371.000	
28	Thanh toán tiền mua thực phẩm tươi sống, bánh xê cho học sinh ăn bán bán trú T02/2026	41.758.000	
29	Thanh toán tiền mua gia vị phục vụ nấu ăn bán bán trú T02/2026	3.528.000	
30	Thanh toán tiền mua sữa uống, sữa chua cho học sinh ăn bán bán trú T02/2026	7.614.000	
31	Thanh toán tiền mua Gạo nấu cơm cho học sinh ăn bán bán trú T02/2026	5.500.000	
32	Phí TK ngân hàng VIETINBANK tháng 03 năm 2026	31.399	
33	Thanh toán tiền mua thực phẩm tươi sống, bánh xê cho học sinh ăn bán bán trú T03/2026	109.344.000	
34	Thanh toán tiền mua Gạo nấu cơm cho học sinh ăn bán bán trú T03/2026	13.300.000	
35	Thanh toán tiền mua gia vị phục vụ nấu ăn bán bán trú T03/2026	6.811.000	
36	Thanh toán tiền mua sữa uống, sữa chua cho học sinh ăn bán bán trú T02/2026	11.994.000	
37	Thanh toán tiền mua Gạo nấu cơm cho học sinh ăn bán bán trú T04/2026	11.500.000	
38	Thanh toán tiền mua thực phẩm tươi sống, bánh xê cho học sinh ăn bán bán trú T04/2026	92.322.000	
39	Thanh toán tiền mua gia vị phục vụ nấu ăn bán bán trú T04/2026	5.572.000	
40	Thanh toán tiền mua sữa uống, sữa chua cho học sinh ăn bán bán trú T04/2026	12.105.000	
41	Thanh toán tiền mua sữa uống, sữa chua cho học sinh ăn bán bán trú T05/2026	8.287.000	
42	Thanh toán tiền mua gia vị phục vụ nấu ăn bán bán trú T05/2026	3.320.000	
43	Thanh toán tiền mua thực phẩm tươi sống, bánh xê cho học sinh ăn bán bán trú T05/2026	62.242.000	
44	Thanh toán tiền mua Gạo nấu cơm cho học sinh ăn bán bán trú T05/2026	7.700.000	
45	Phí TK ngân hàng VIETINBANK	3.380	
IV	TỔNG SỐ TIỀN TỒN CUỐI NH 2025-2026	0	

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO
HỌC SINH - NĂM HỌC 2025 - 2026

LOẠI QUỸ: DỊCH VỤ TỔ CHỨC NẤU ĂN BÁN TRÚ

(Kèm theo báo cáo số .../BC-LHP, ngày 31/07/2026 của trường TH Lê Hồng Phong)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026	-	
II	TỔNG SỐ TIỀN THU TRONG NH 2025-2026	106.069.000	
01	Thu tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T9+10/2025 NH 2025-2026	4.650.000	
02	Thu tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú 2025 NH 2025-2026 (BK số 02/T9-CK)	1.710.000	
03	Thu nộp tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T9/2025 vào TK tiền gửi	750.000	
04	Thu nộp tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T10/2025 NH 2025-2026 vào TK tiền gửi	3.015.000	
05	Thu tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú 2025 NH 2025-2026 (BK số 01/T10-CK-ABT-DVTCABT)	9.490.000	
06	Thu tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú 2025 NH 2025-2026 (BK số 02/T10-CK-ABT-DVTCABT)	4.860.000	
07	Thu tiền dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T11-CK-ABT-DVTCABT, ngày 28/11/2025)	31.840.000	
08	Thu nộp tiền DVTCNABT NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T11-TM-ABT - DVTCNABT)	1.785.000	
09	Thu tiền DVTCNABT NH 2025-2026 (BK số 03/T11-CK-ABT-DVTCABT, ngày 30/11/2025)	90.000	
10	Thu từ TK 6350574423, Ngân hàng BIDV qua số TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản các khoản thu NH 2025-2026 (BK 01/T11/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 28/11/2025)	210.000	
11	Thu nộp tiền DVTCNABT NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T12-TM-ABT - DVTCNABT, ngày 29/12/2025)	9.849.000	

12	Thu tiền DVTCNABT NH 2025-2026 (BK số 01/T12-CK-DVTCABT, ngày 30/12/2025)	3.390.000	
13	Thu tiền phụ huynh nộp quỹ DVTCNABT vào TK ngân hàng BIDV (BK số 01/T12/CK-NOPNHAM - BIDV ngày 31/12/2025)	1.260.000	
14	Thu tiền quỹ dịch vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T01/CK-DVTCNABT, ngày 31/01/2026)	7.785.000	
15	Thu tiền quỹ dịch vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T02/CK-DVTCNABT, ngày 28/02/2026)	4.320.000	
16	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T03/CK-DVTCNABT, ngày 31/03/2026)	7.395.000	
17	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T01- NH 2025-2026 (BK số 01/T01/CK-NOPNHAM -BIDV)	840.000	
18	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú tháng 02/2026- NH 2025-2026 (BK số 01/T02/CK-NOPNHAM -BIDV)	840.000	
19	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú tháng 03/2026- NH 2025-2026 (BK số 01/T03/CK-NOPNHAM -BIDV)	420.000	
20	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (BK số 01/T04/CK-DVTCNABT, ngày 29/04/2026)	1.365.000	
21	Chi nộp tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú- NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T04/CK-DVTCNABT, ngày 29/4/2026)	5.010.000	
22	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú tháng 04/2026- NH 2025-2026 (BK số 01/T04/CK-NOPNHAM -BIDV)	420.000	
23	Thu tiền dịch vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T05-CK-DVCSBT, ngày 18/05/2026)	2.465.000	
24	Thu tiền dịch vụ tổ chức nấu ăn bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 02/T05-CK-DVCSBT, ngày 28/05/2026)	1.470.000	
25	Thu tiền quỹ dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú tháng 05/2026- NH 2025-2026	840.000	
III	TỔNG SỐ TIỀN CHI TRONG NH 2025-2026	104.767.000	
01	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T9/2025	64.000	
02	Thanh toán tiền Gas nấu ăn cho học sinh bán trú T9/2025	3.670.000	

03	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh cho học sinh bán trú T9/2025	2.908.000	
04	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T10/2025	97.000	
05	Thanh toán hỗ trợ tiền điện phục vụ công tác tổ chức bán trú T10/2025	3.692.000	
06	Thanh toán tiền Gas nấu ăn cho học sinh bán trú T10/2025	6.460.000	
07	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh cho học sinh bán trú T10/2025	1.382.000	
08	Thanh toán tiền Gas nấu ăn cho học sinh bán trú T11/2025	6.380.000	
09	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T11/2025	64.000	
10	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng phục vụ hoạt động nấu ăn bán trú cho học sinh NH 2025-2026	4.745.000	
11	Thanh toán tiền mua đồ dùng vệ sinh, chất tẩy rửa phục vụ hoạt động nấu ăn bán trú cho học sinh	2.207.000	
12	Thanh toán tiền Gas nấu ăn cho học sinh bán trú T12/2025	6.885.000	
13	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh cho học sinh bán trú T12/2025	2.277.000	
14	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T12/2025	65.000	
15	Thanh toán hỗ trợ tiền điện phục vụ công tác tổ chức bán trú T12/2025	3.162.000	
16	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh, chất tẩy rửa phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	2.156.000	
17	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T01/2026	64.000	
18	Thanh toán tiền mua gas phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T01/2026	6.920.000	
19	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T02/2026	64.000	
20	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh, chất tẩy rửa phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	1.686.000	
21	Thanh toán tiền mua gas phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T02/2026	3.520.000	
22	Thanh toán tiền mua gas phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T02/2026	8.890.000	
23	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán trú T03/2026	64.000	
24	Thanh toán hỗ trợ tiền điện phục vụ công tác tổ chức bán trú T03/2026	3.355.000	
25	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh, chất tẩy rửa phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	3.257.000	
26	Thanh toán hỗ trợ tiền điện phục vụ công tác tổ chức bán trú T4/2026	3.531.000	
27	Thanh toán tiền mua gas phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú T4/2026	10.490.000	



28	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán bán trú T04/2026	64.000	
29	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh, chất tẩy rửa phục vụ tổ chức nấu ăn bán bán trú	3.367.000	
30	Thanh toán hỗ trợ tiền điện phục vụ công tác tổ chức bán trú T5/2026	2.846.000	
31	Thanh toán tiền mua CCDC, đồ dùng vệ sinh, chất tẩy rửa phục vụ tổ chức nấu ăn bán bán trú	4.671.000	
32	Thanh toán tiền mua gas phục vụ tổ chức nấu ăn bán bán trú T5/2026	5.700.000	
33	Thanh toán tiền nước máy phục vụ nấu ăn bán bán trú T05/2026	64.000	
IV	TỔNG SỐ TIỀN TỒN CUỐI NH 2025-2026	1.302.000	Tồn TG Viettinbank

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

**BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO
 HỌC SINH - NĂM HỌC 2025 - 2026**

LOẠI QUỸ: DỊCH VỤ CHĂM SÓC BÁN TRÚ BUỔI TRƯA

(Kèm theo báo cáo số 54/BC-LHP, ngày 31/07/2026 của trường TH Lê Hồng Phong)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026	-	
II	TỔNG SỐ TIỀN THU TRONG NH 2025-2026	569.613.000	
01	Thu nộp tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú T9/2025 - NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T9-TM-DVCSBT)	32.640.000	
02	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú T9/2025 NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T9-CK-DVCSBT)	41.970.000	
03	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú T10/2025 NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T10-CK-DVCSBT)	46.200.000	
04	Thu từ TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank qua số TK 6350574423, Ngân hàng BIDV của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản quỹ dịch vụ chăm sóc bán trú NH 2025-2026	7.560.000	
05	Thu từ TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank qua số TK 6350574423, Ngân hàng BIDV của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản quỹ dịch vụ chăm sóc bán trú NH 2025-2026 (BK 03 CK-NOPNHAM, ngày 31/10/2025)	6.305.000	
06	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú T11/2025 NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T11-CK-DVCSBT, ngày 17/11/2025)	33.080.000	
07	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú T11/2025 NH 2025-2026 (Bảng kê số: 02/T11-CK-DVCSBT, ngày 28/11/2025)	5.440.000	
08	Thu nộp tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T10-TM-DVCSBT, ngày 12/12/2025)	26.560.000	
09	Thu từ TK 129000136268 ngân hàng Viettinbank qua số TK 6350574423, Ngân hàng BIDV của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản quỹ DVCSBT NH 2025-2026 (BK 01/T11/CK-NOPNHAM, ngày 28/11/2025)	8.320.000	
10	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T12-CK-DVCSBT, ngày 30/12/2025)	30.760.000	

11	Thu tiền phụ huynh nộp quỹ DVCSBT vào tk ngân hàng Viettinbank (BK số 01/T12/CK-NOPNHAM - BIDV ngày 31/12/2025)	3.380.000	Thu PH nộp nhằm vào TK viettinbank
12	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T01/TM-DVCSBT, ngày 16/01/2026)	21.360.000	
13	Thu tiền DVCSBT do UNC từ tk vietinbank qua do nộp nhằm tài khoản ngày 29/1/2026	18.325.000	
14	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T01-CK-DVCSBT, ngày 30/01/2026)	38.880.000	
15	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T02/TM-DVCSBT, ngày 25/02/2026)	29.920.000	
16	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T02-CK-DVCSBT, ngày 28/02/2026)	32.100.000	
17	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 01/T03/TM-DVCSBT, ngày 02/03/2026)	32.640.000	
18	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 vào TK tiền gửi (bảng kê số 02/T03/TM-DVCSBT, ngày 16/03/2026)	28.360.000	
19	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T03-CK-DVCSBT, ngày 30/03/2026)	26.673.000	
20	Thu tiền DVCSBT do UNC trả lại tài khoản ngân hàng BIDV của đơn vị quỹ DVCSBT do nộp nhằm tài khoản	10.880.000	
21	Thu tiền DVCSBT do UNC trả lại tài khoản ngân hàng BIDV của đơn vị quỹ DVCSBT do nộp nhằm tài khoản	15.560.000	
22	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T04-CK-DVCSBT, ngày 29/04/2026)	26.800.000	
23	Thu tiền DVCSBT do UNC trả lại tài khoản ngân hàng BIDV của đơn vị quỹ DVCSBT do nộp nhằm tài khoản (BK SO 01/T04/CK-NOPNHAM, ngày 29/04/2026)	7.120.000	
24	Thu tiền DVCSBT do UNC trả lại tài khoản ngân hàng BIDV của đơn vị quỹ DVCSBT do nộp nhằm tài khoản (BK SO 01/T01/CK-NOPNHAM, ngày 31/01/2026)	12.380.000	
25	Thu tiền DVCSBT do UNC trả lại tài khoản ngân hàng BIDV của đơn vị quỹ DVCSBT do nộp nhằm tài khoản (BK SO 01/T05/CK-NOPNHAM, ngày 19/5/2026)	12.800.000	

26	Thu tiền DVCSBT do UNC trả lại tài khoản ngân hàng BIDV của đơn vị quỹ DVCSBT do nộp nhầm tài khoản (BK SO 02/T05/CK-NOPNHAM, ngày 21/5/2026)	4.080.000	
27	Thu tiền dịch vụ chăm sóc bán trú NH 2025-2026 (Bảng kê số: 01/T05-CK-DVCSBT, ngày 29/05/2026)	9.520.000	
III	TỔNG SỐ TIỀN CHI TRONG NH 2025-2026	569.613.000	
01	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T9/2025	35.440.000	
02	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T10/2025	61.594.400	
03	Chi tiền BHXH Ccho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T10/2025	3.705.600	
04	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T11/2025	62.694.400	
05	Chi tiền BHXH Ccho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T11/2025	3.705.600	
06	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T12/2025	62.994.400	
07	Chi tiền BHXH Ccho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T12/2025	3.705.600	
08	Chi tiền BHXH cho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T1/2026	3.984.000	
09	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T1/2026	62.416.000	
10	Chi tiền BHXH cho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T02/2026	3.984.000	
11	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T02/2026	58.736.000	
12	Chi tiền BHXH cho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T03/2026	3.984.000	
13	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T03/2026	60.816.000	
14	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T04/2026	60.816.000	



15	Chi tiền BHXH cho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T04/2026	3.984.000	
16	Chi trả lại tiền DVCSBT cho phụ huynh do cắt ăn bán trú	480.000	
17	Chi tiền thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa bán trú T05/2026	72.277.000	
18	Chi tiền BHXH cho lao động hợp đồng nấu ăn bán trú T05/2026	3.984.000	
19	Phí ngân hàng	312.000	
IV	TỔNG SỐ TIỀN TỒN CUỐI NH 2025-2026	0	

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO HỌC SINH - NĂM HỌC 2025 - 2026

LOẠI QUỸ: TTLL ĐIỆN TỬ VNEDU

(Kèm theo báo cáo số ~~54~~/BC-LHP, ngày 31/07/2026 của trường TH Lê Hồng Phong)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026	-	
II	TỔNG SỐ TIỀN THU TRONG NH 2025-2026	42.400.000	
01	Thu tiền quỹ VNEDU NH 2025-2026 (BK số 01/CK-VS-VNEDU)	15.150.000	
02	Thu tiền quỹ VNEDU NH 2025-2026 (BK số 02/CK-VS-VNEDU)	8.450.000	
03	Chuyển tiền từ TK 6350574423, Ngân hàng BIDV qua số TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank của đơn vị do phụ huynh nộp nhằm tài khoản các khoản thu NH 2025-2026 (BK 01/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 30/10/2025)	250.000	
04	Thu tiền quỹ VNEDU NH 2025-2026 (BK số 01/11/CK-VS+VNEDU, ngày 30/11/2025)	3.200.000	
05	Chi nộp tiền quỹ VNEDU NH 2025-2026 vào tài khoản tiền gửi (bảng kê số 01/T12-TM-VS-VNEDU, ngày 19/12/2025)	5.100.000	
06	Chi nộp tiền quỹ VNEDU NH 2025-2026 đợt 2 vào tài khoản tiền gửi (bảng kê số 02/T12-TM-VS+VNEDU, ngày 29/12/2025)	5.100.000	
07	Thu tiền quỹ VNEDU NH 2025-2026 (BK số 01/T12-CK-VS+VNEDU, ngày 30/12/2025)	4.650.000	
08	Thu tiền phụ huynh nộp quỹ VNEDU vào tk ngân hàng BIDV (BK số 01/T12/CK-NOPNHAM - BIDV ngày 31/12/2025)	150.000	
09	Thu tiền quỹ dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin liên lạc (VNEDU) NH 2025-2026 (BK số 01/T01-CK-VS+VNEDU, ngày 31/01/2026)	300.000	
10	Thu tiền quỹ dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin liên lạc (VNEDU) NH 2025-2026 (BK số 01/T01/CK-NOPNHAM - BIDV)	50.000	
III	TỔNG SỐ TIỀN CHI TRONG NH 2025-2026	42.400.000	
01	Thanh toán tiền dịch vụ ứng dụng CNTTLL điện tử VNEDU giữa nhà trường và phụ huynh (Đợt 1), NH 2025-2026	37.250.000	
02	Thanh toán trả tiền dịch vụ liên lạc điện tử VNEDU cho nhà cung cấp dịch vụ NH 2025-2026	5.150.000	
IV	TỔNG SỐ TIỀN TÒN CUỐI NH 2025-2026	0	

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

BÁO CÁO CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO HỌC SINH - NĂM HỌC 2025 - 2026

LOẠI QUỸ: QUỸ VỆ SINH SÂN TRƯỜNG VÀ KHU VỰC NHÀ VỆ SINH CỦA HỌC SINH

(Kèm theo báo cáo số 51/BC-LHP, ngày 31/07/2026 của trường TH Lê Hồng Phong)

ĐV tính: đồng

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026	-	
II	TỔNG SỐ TIỀN THU TRONG NH 2025-2026	153.040.000	
01	Thu tiền vệ sinh NH 2025-2026 (BK số 01/CK-VS-VNEDU)	54.540.000	
02	Thu tiền vệ sinh NH 2025-2026 (BK số 02/CK-VS-VNEDU)	30.420.000	
03	Thu tiền quỹ vệ sinh NH 2025-2026 (BK 01/CK-NOPNHAM - BIDV, ngày 30/10/2025)	900.000	
04	Thu tiền quỹ vệ sinh vào tài khoản (BK số 02/T11/CK-NOPNHAM, ngày 28/11/2025)	310.000	
05	Thu tiền vệ sinh NH 2025-2026 (BK số 01/11/CK-VS+VNEDU, ngày 30/11/2025)	11.520.000	
06	Thu tiền quỹ vệ sinh NH 2025-2026 vào tài khoản tiền gửi (bảng kê số 01/T12-TM-VS-VNEDU, ngày 19/12/2025)	18.360.000	
07	Thu tiền quỹ vệ sinh NH 2025-2026 đợt 2 vào tài khoản tiền gửi (bảng kê số 02/T12-TM-VS+VNEDU, ngày 29/12/2025)	18.360.000	
08	Thu tiền vệ sinh NH 2025-2026 (BK số 01/T12-CK-VS+VNEDU, ngày 30/12/2025)	16.740.000	
09	Thu tiền quỹ vệ sinh vào tài khoản (BK số 01/T12/CK-NOPNHAM, ngày 31/12/2025)	90.000	
10	Thu tiền quỹ vệ sinh (Bảng kê số : 01/T12-CK-NOPNHAM-BIDV, ngày 31/12/2025)	540.000	
1	Thu tiền vệ sinh NH 2025-2026 (BK số 01/T01-CK-VS+VNEDU, ngày 31/01/2026)	1.080.000	
2	Thu quỹ vệ sinh - NH 2025-2026 (BK số 01/T01/CK-NOPNHAM -BIDV)	180.000	
III	TỔNG SỐ TIỀN CHI TRONG NH 2025-2026	143.436.072	
01	Chuyển tiền từ TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank qua số TK 6350574423, Ngân hàng BIDV của đơn vị do trích nhằm TK chi lương dọn vệ sinh T9/2025 của đơn vị	7.564.800	

02	Chuyển tiền từ TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank qua số TK 6350574423, Ngân hàng BIDV của đơn vị do trích nhằm TK chi BHXH cho lao động dọn vệ sinh T9/2025	1.235.200	
03	Thanh toán tiền lương thuê lao động dọn vệ sinh T10/2025	5.964.800	
04	Chuyển tiền từ TK 129000136268, ngân hàng Viettinbank qua số TK 6350574423, Ngân hàng BIDV của đơn vị do trích nhằm TK chi BHXH cho lao động dọn vệ sinh T10/2025	1.235.200	
05	Thanh toán tiền lương thuê lao động dọn vệ sinh T10/2025	1.600.000	
06	Thanh toán tiền mua đồ dùng, dụng cụ vệ sinh dọn vệ sinh khu vực sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh NH 2025-2026	14.977.000	
07	Thanh toán tiền lương thuê lao động dọn vệ sinh T11/2025	5.964.800	
08	Thanh toán tiền lương thuê lao động dọn vệ sinh T11/2025	1.600.000	
09	Chi tiền BHXH cho lao động dọn vệ sinh khu vực sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh T11/2025	1.235.200	
10	UNC trả lại phụ huynh do nộp nhầm tài khoản (bảng kê số 02/T11/CK-NOPNHAM, ngày 28/11/2025)	310.000	
11	Thanh toán tiền mua đồ dùng, dụng cụ vệ sinh dọn vệ sinh khu vực sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh NH 2025-2026 (ĐỢT 2)	11.114.000	
12	Thanh toán tiền lương thuê lao động dọn vệ sinh T12/2025	5.964.800	
13	Thanh toán tiền lương thuê lao động dọn vệ sinh T12/2025	1.600.000	
14	Chi tiền BHXH cho lao động dọn vệ sinh khu vực sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh T12/2025	1.235.200	
1	Chuyển tiền phụ huynh nộp dư quỹ vệ sinh (BK số 01/T12/CK-NOPNHAM, ngày 31/12/2025)	90.000	
2	Thanh toán tiền thuê lao động dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh T01/2026	8.400.000	
3	Thanh toán tiền mua đồ dùng vệ sinh phục vụ dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh	15.807.000	
4	Thanh toán tiền thuê lao động dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh T02/2026	8.400.000	
5	Thanh toán tiền mua đồ dùng vệ sinh phục vụ dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh NH 2025-2026	12.070.000	
6	Thanh toán tiền thuê lao động dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh T03/2026	8.400.000	
7	Thanh toán tiền thuê lao động dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh T04/2026	8.400.000	

8	Thanh toán tiền mua thùng đựng rác, đồ dùng vệ sinh phục vụ dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh NH 2025-2026	10.852.000	
9	Thanh toán tiền dịch vụ thu gom rác thải từ T1-T5/2026	950.000	
10	Thanh toán tiền thuê lao động dọn vệ sinh sân trường và khu vực nhà vệ sinh của học sinh T05/2026	8.400.000	
11	Phí TK ngân hàng	66.072	
IV	TỔNG SỐ TIỀN TÒN CUỐI NH 2025-2026	9.603.928	Tồn TG Viettinbank

